TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 35, 22/08 - 26/08/2022

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

"Phục hồi nhưng tâm lý thận trọng bao phủ"

Thị trường chứng khoán toàn cầu có tuần giao dịch giằng co chờ đợi bài phát biểu của chủ tịch FED tại hội nghị Jackson Hole, tuy nhiên, điều không mong chờ đã xảy ra, khi ông Powell thể hiện quan điểm chưa đủ cơ sở để nói lạm phát đã đạt đỉnh và có thể vẫn cần can thiệp các chính sách thắt chặt tiền tệ. Dow Jones giảm gần 1000 điểm phiên cuối tuần, về 32,283 điểm, mất 4.2%. S&P 500 cũng mất 4.4% về 4,058 điểm. Chứng khoán châu Âu, châu Á cũng chìm trong sắc đỏ. Kết tuần, Stoxx Euro 600 mất 2.6% về 426 điểm. Nikkei mất 1.07% về 28,624 điểm, tương tự với Shanghai mất 0.7% về 3,236 điểm.

Thị trường chứng khoán Việt Nam có tuần giao dịch tích cực khi chỉ số tiếp tục tăng điểm so với tuần rồi. VN-Index tăng 13.39 điểm (+1.06%) lên mức 1,283 điểm, HNX-Index cũng tăng nhẹ 1.56 điểm (+0.52%) lên mức 300 điểm. Tuy nhiên, khớp lệnh có tuần sụt giảm tiếp theo cho thấy sự thận trọng của giới đầu tư. Khối ngoại bán ròng trở lại, trong khi nhà đầu tư cá nhân trong nước có tuần mua ròng.

Ngành bán lẻ và Khu công nghiệp có một tuần giao dịch khởi sắc. Nổi bật trong nhóm có thể kể tới MWG, DGW, FRT hay VGC, BCM. Nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ lấy lại sắc xanh nhưng đã thu hẹp đà tăng về cuối tuần. Với bức tranh tài chính bất ổn sắp tới, nhóm cổ phiếu phòng thủ cần được chú ý (lương thực, hàng thiết yếu, điện nước …).

Góc nhìn kỹ thuật: Mặc dù chỉ số phục hồi tốt đầu tuần, nhưng sự thận trọng đã đẩy áp lực bán dâng cao về cuối tuần, kết quả là chỉ số đóng cửa với thân nến đỏ dài, gần như bao phủ nến tăng trước đó, kèm khớp lệnh vượt trên mức trung bình. Điều này cho thấy tín hiệu điều chỉnh rõ ràng hơn. Chỉ báo MACD vẫn đang tiệm cận sát đường signal, trong khi RSI bắt đầu giảm lại. Áp lực điều chỉnh có thể tiếp tục khi thị trường tài chính thế giới vừa có phản ứng tiêu cực với bài phát biểu của chủ tịch FED, nhưng ở góc độ kĩ thuật, chỉ số Vnindex chưa tăng quá nóng giai đoạn rồi kèm các dữ liệu kinh tế khả quan trong nước, kỳ vọng nhịp điều chỉnh sẽ lành mạnh hơn. Hỗ trợ gần nhất cho xu hướng là ngưỡng 1,260 điểm và xa hơn là ngưỡng 1,220 điểm. Chiến lược thận trọng và quản trị rủi ro phù hợp với danh mục nắm giữ.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,283	1.1	8.2	1.1	-14.4		13.7	2.1	218
Upcom Index	93	0.1	5.1	-2.2	-17.6		14.8	1.7	53
HNX Index	300	0.5	5.9	-4.4	-32.0		17.1	1.8	13
VN30 Index	1,307	0.9	7.2	-0.2	-14.4		11.3	2.1	151
S&P 500 Index	4,058	-4.8	0.0	0.0	-7.5		19.8	4.1	36,812
STOXX Europe 600 Index	426	-2.6	-0.5	-2.7	-6.1		15.0	1.8	11,776
Hang Seng	20,170	2.0	-2.4	0.3	-11.4		7.7	0.8	2,758
Nikkei 225	28,624	-1.1	3.3	7.7	8.2		28.9	1.7	3,474
SHCOMP Index	3,236	-0.7	-1.2	3.6	-6.2		14.1	1.4	6,578
STI Index	3,250	0.0	1.4	1.3	-1.4		12.3	1.1	360
KOSPI Index	2,481	0.8	2.8	-5.0	-7.3		10.5	0.9	1,419

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Source: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	1.2	7.9	-2.5	-6.4	-5.1	4.2	69.4	-0.8	13.5	2.2	4,426,428
Mid Cap	0.4	7.2	-3.1	-4.1	-1.7	12.9	28.5	0.4	14.9	1.3	604,149
Small Cap	0.4	4.0	-7.2	21.3	14.5	34.8	2.1	0.5	16.3	0.8	66,228

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Dịch vụ Tiêu dùng	5.2	9.1	43.9	28.1	39.2	31.4	6.2	1.6	n.a	4.8	259,307
Nguyên vật liệu	2.5	9.5	-25.2	-13.6	-12.0	-3.2	14.4	-1.4	6.8	1.5	392,781
Dầu khí	1.8	9.2	-17.9	17.7	45.6	62.7	2.3	0.5	91.4	2.5	66,444
Ngân hàng	1.2	8.4	5.5	-16.7	-14.5	1.7	14.4	-1.9	9.8	1.8	1,618,195
Công nghiệp	0.9	7.7	-1.0	-6.0	-4.4	2.9	12.1	-0.1	15.1	1.3	274,449
Hàng Tiêu dùng	0.8	6.1	-1.1	1.3	3.8	15.0	13.2	0.9	17.4	2.8	647,055
Tiện ích Cộng đồng	0.2	7.1	45.2	3.3	2.0	-27.8	2.8	0.2	15.0	2.3	353,280
Tài chính	0.2	7.9	-16.5	-3.6	-4.7	13.7	33.1	0.6	21.2	2.0	1,334,329
Dược và Y tế	-0.3	-0.2	1.0	-15.8	-30.9	-28.7	0.2	0.0	15.1	2.0	33,586
Công nghệ Thông tin	-0.6	2.6	6.8	-30.7	-23.8	-23.4	1.2	-0.4	18.9	3.2	111,106

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

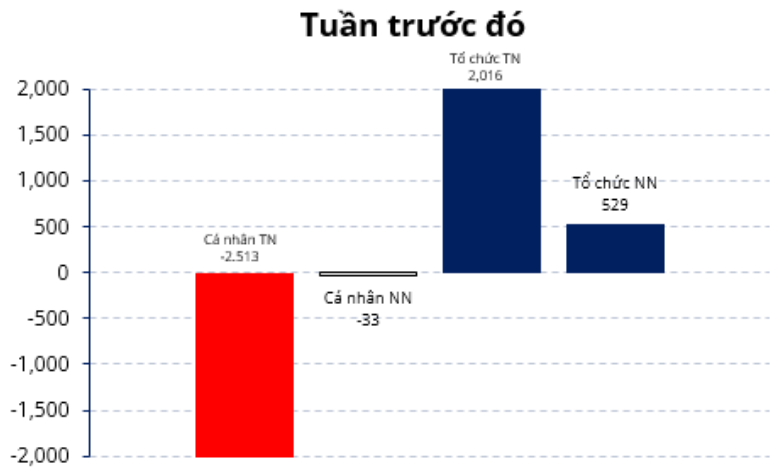
Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

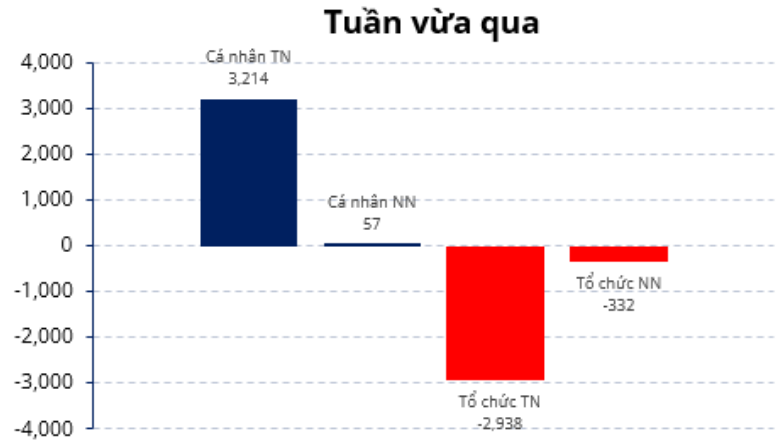
Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**2,960**	**-1.80**	**44.33**	**83.0**	**139.0**
Nước ngoài	**1,833**	**1.48**	**47.05**	**93.1**	**206.8**
VanEck Vectors Vietnam ETF	386	0.00	1.55	-13.6	-14.5
Fubon FTSE Vietnam ETF	605	0.98	11.88	94.8	449.2
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	359	0.00	0.00	-19.2	-49.4
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	313	0.50	34.36	33.4	-74.2
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	128	0.00	-3.17	-4.7	-110.6
Premia MSCI Vietnam ETF	26	0.00	2.20	2.2	1.8
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.00	0.00	0.0	-8.5
Asian Growth CUBS ETF	11	0.00	0.22	0.2	13.0
Trong nước	**1,126**	**-3.28**	**-2.72**	**-10.1**	**-67.9**
DCVFM VN Diamond ETF	602	0.00	0.00	0.0	-124.7
DCVFM VN30 ETF Fund	334	-3.28	-9.64	-24.2	0.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	142	0.00	5.94	13.1	0.1
MAFN VN30 ETF	27	0.00	0.98	1.0	46.1
SSIAM VNX50 ETF	13	0.00	0.00	0.0	0.0
VinaCapital VN100 ETF	4	0.00	0.00	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	5	0.00	0.00	0.00	10.6

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc	n.a	67,469	31,492	-85,296
Ấn độ	406	6,013	6,850	-21,707
Indonesia	120	433	283	4,551
Nhật Bản	207	999	5,963	6,535
Maylaysia	39	382	409	1,870
Philippines	-13	-144	-224	-999
Hàn Quốc	464	2,382	3,745	-12,342
Sri Lanka	2	0	2	-7
Đài Loan	-1,351	-2,703	-3,328	-37,398
Thái Lan	260	1,463	1,590	5,032
Việt Nam	-16	100	114	81

Chú thích:

-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm





Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	CMG	Công nghệ Thông tin	44.77 - 71.00	60.0	-10.45%
2	FLC	Bất động sản	3.53 - 24.10	4.2	-10.11%
3	HAI	Hóa chất	1.82 - 10.50	1.9	-10.00%
4	AMD	Bất động sản	2.31 - 10.95	2.7	-7.67%
5	HOT	Sản xuất nông nghiệp	26.05 - 42.80	28.8	-7.26%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

TT	% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
1	27.30%	20.8	9.60 - 20.85	Xây dựng và Vật liệu	KPF
2	16.74%	25.5	19.50 - 33.50	Hàng cá nhân & Gia dụng	GMC
3	16.59%	26.7	11.50 - 41.80	Xây dựng và Vật liệu	CKG
4	13.99%	35.5	21.40 - 49.45	Hóa chất	DCM
5	12.45%	26.7	31.50 - 77.00	Hóa chất	DPM

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	PCH	Xây dựng và Vật liệu	9.50 - 17.20	10.1	-13.68%
2	GDW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	19.80 - 35.90	20.7	-11.16%
3	ALT	Truyền thông	12.60 - 27.00	21.7	-10.33%
4	SGD	Truyền thông	9.90 - 30.00	23.8	-9.85%
5	KLF	Du lịch và Giải trí	2.70 - 11.30	2.8	-9.68%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

TT	% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
1	42.42%	23.5	8.80 - 48.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PBP
2	40.78%	58.0	19.50 - 109.00	Bất động sản	API
3	24.64%	8.6	5.00 - 16.20	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PCT
4	23.42%	46.9	23.10 - 57.00	Truyền thông	HTP
5	23.38%	28.5	20.90 - 31.30	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	SFN

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SPB	Hàng cá nhân & Gia dụng	17.10 - 60.00	26.5	-27.20%
2	HNI	Hàng cá nhân & Gia dụng	39.00 - 89.00	60.0	-25.00%
3	SJM	Xây dựng và Vật liệu	3.30 - 11.90	6.8	-23.60%
4	VW3	Xây dựng và Vật liệu	7.80 - 21.50	13.5	-22.86%
5	VHH	Xây dựng và Vật liệu	4.50 - 18.20	4.6	-20.69%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

TT	% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
1	90.36%	15.8	4.30 - 15.80	Thực phẩm và đồ uống	CFV
2	77.14%	18.6	10.10 - 28.10	Hàng cá nhân & Gia dụng	GTD
3	73.55%	42.0	7.06 - 47.40	Tài nguyên Cơ bản	NHV
4	72.28%	31.7	16.00 - 35.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	MA1
5	47.25%	26.8	16.30 - 30.00	Tài nguyên Cơ bản	TNB

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá	Biến động 52 tuần	%1W
1	CVT	CMC JSC	Thực phẩm và đồ uống	46.0	1,050.0	45.9	36.20 - 52.80	0.0
2	PAC	Pin Ắc quy Miền Nam	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	85.3	965.6	34.9	30.20 - 45.65	-1.3
3	BTP	Nhiệt điện Bà Rịa	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	638.9	825.9	18.1	15.50 - 19.10	6.2
4	THI	Thiết bị điện	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	40.3	794.4	25.0	23.35 - 33.80	3.7
5	SZL	Sonadezi Long Thành	Bất động sản	828.3	385.8	60.9	50.50 - 75.90	8.8
6	STG	Kho Vận Miền Nam	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	35.6	375.0	27.2	25.00 - 37.90	-1.1
7	HRC	Cao su Hòa Bình	Hóa chất	431.3	260.9	57.0	46.05 - 70.40	0.0
8	TV2	Tư vấn XD Điện 2	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	4,329.9	211.8	47.0	38.60 - 74.10	6.3
9	EIB	Eximbank	Ngân hàng	18,352.3	210.1	31.2	21.90 - 37.80	5.1
10	EVG	Tập đoàn Everland	Xây dựng và Vật liệu	1,799.3	202.6	7.5	4.84 - 18.28	4.4

Bảng trên liệt kê ra top 10 cổ phiếu trong rổ chỉ số VN Index có vốn hóa trên 1,000 tỷ đồng và giá trị giao dịch bình quân hằng ngày trong tuần qua so với tuần trước đó la cao nhất.

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT
Những dữ liệu vĩ mô khác

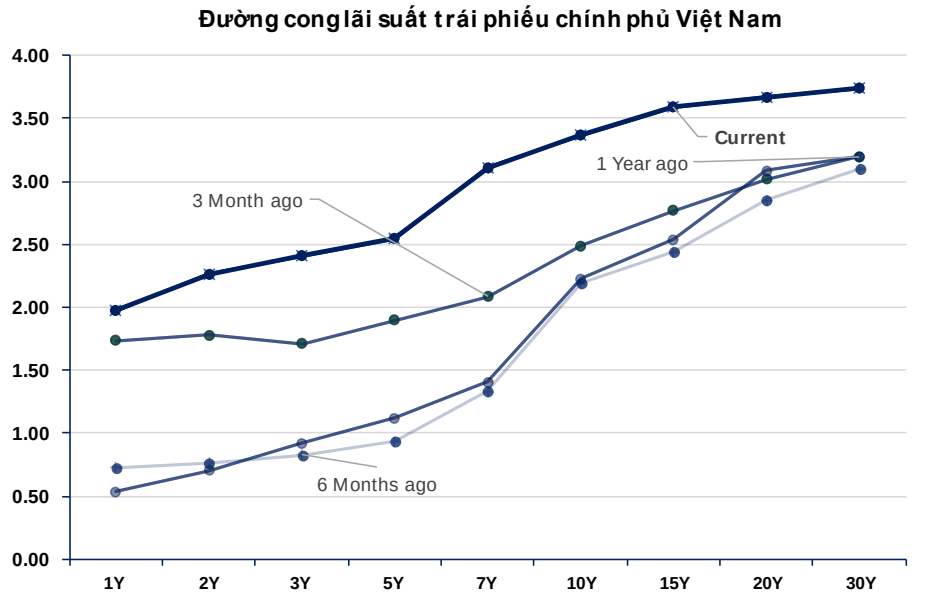
Tỷ giá

	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	108.80	0.59	1.51	6.85	13.73	
VND/USD	23,410	0.07	0.18	0.88	2.56	
KRW/USD	1,331.50	0.43	1.80	5.04	11.99	
JPY/USD	137.64	0.49	0.53	8.28	19.60	
EUR/USD	1.00	0.72	1.52	7.68	14.12	
SGD/USD	1.39	0.14	0.31	1.51	3.33	
CNY/USD	6.87	0.79	1.60	1.97	8.11	

Hàng hóa

	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	93.06	2.52	-2.02	-18.43	23.73	
Xăng	285.13	-5.51	-15.01	-26.46	27.95	
Gas	9.30	-0.43	3.37	4.36	149.22	
Than	427.00	2.58	3.14	5.96	151.77	
Vàng	1,738.14	-0.51	1.21	-6.08	-4.98	
Bạc	18.90	-0.79	1.45	-14.16	-18.93	
Platinum	866.96	-3.59	-1.09	-8.98	-10.51	
Quặng sắt	105.49	-0.14	-0.49	-20.67	-6.23	
Thép cán	4,029.00	1.82	3.97	-15.89	-15.16	
Lúa mì	784.75	4.18	-2.36	-31.36	1.82	
Ngô	668.75	6.83	12.02	-12.58	12.73	
Gỗ	523.60	0.69	-5.93	-23.34	-54.39	

Dữ liệu về lãi suất



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.98	2.27	2.41	2.54	3.11	3.37	3.59	3.67	3.74
Thay đổi (BPS)	2.50	5.40	10.70	0.20	-3.30	-5.30	-4.30	-0.20	-0.44

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.